

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10– THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
1	Đọc hiểu	15	5	15	5	10	10	0	0	05	20	40
2	Làm văn	25	10	15	10	10	20	10	30	01	70	60
Tổng		40	15	30	15	20	30	10	30	06	90	100
Tỉ lệ %		40		30		20		10				100
Tỉ lệ chung		70				30						100

BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Đọc hiểu đoạn trích thần thoại/truyện trung đại/truyện hiện đại (Ngoài SGK)	Nhận biết: - Xác định được nội dung đoạn trích/ ngôi kể/ nhân vật/ sự kiện chính,... - Chỉ ra thông tin trong đoạn trích. Thông hiểu: - Hiểu được đặc sắc về nội dung của đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của	2	2	1	0	5

			hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích: nghệ thuật trần thuật, xây dựng nhân vật, chi tiết hoang đường kì ảo... - Hiểu được một số đặc trưng của truyện trong đoạn trích. Vận dụng: - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong đoạn trích. - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung đoạn trích.					
		Đọc hiểu văn bản thơ trữ tình	Nhận biết + Xác định được phương thức biểu đạt, thể thơ, các biện pháp tu từ trong văn bản/đoạn trích thơ Đường luật trung đại Việt Nam. + Xác định được đề tài; chi tiết, hình ảnh nghệ thuật đặc sắc, hình tượng nhân vật trữ tình của bài thơ/đoạn thơ. - diện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... trong bài thơ/đoạn thơ. + Chỉ ra được thông tin trong bài thơ/đoạn thơ. Thông hiểu + Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: bức tranh thiên nhiên, đời sống; tâm sự của tác giả,... + Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: hình ảnh, ngôn ngữ, biện pháp tu từ,... + Hiểu được một số đặc					

			trung của thơ Đường luật trung đại Việt Nam; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ. Vận dụng + Nhận xét ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức của bài thơ/đoạn thơ. + Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung bài thơ/đoạn thơ.					
2	LÀM VĂN	1. Nghị luận về một khía cạnh nội dung, hình thức của đoạn đọc hiểu	Nhận biết: - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận Thông hiểu: - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn đọc hiểu Vận dụng: - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của đoạn đọc hiểu Vận dụng cao: - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.					2
		2. Nghị luận xã hội	Nhận biết: Xác định đúng vấn đề nghị luận Thông hiểu Giải thích, phân tích, bàn luận được về vấn đề nghị luận Đưa ra được các quan điểm cá nhân về vấn đề nghị luận					

			Vận dụng Vận dụng được từ ngữ, cách diễn đạt, phép lập luận...vào bài làm Vận dụng cao Có sáng tạo hoặc có giải pháp độc đáo cho vấn đề					
Tổng								7
Tỉ lệ %			40	30	20	10		
Tỉ lệ chung			70		30			

A. PHẦN KIẾN THỨC

I. TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Văn học trung đại

a. Khái quát chung về văn học trung đại

- Văn học trung đại Việt Nam hình thành, phát triển trong khoảng thời gian từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX; trong thời kì phong kiến.
- Gồm hai bộ phận: Văn học viết bằng chữ Hán và văn học viết bằng chữ Nôm
- Văn học trung đại được nuôi dưỡng bởi nguồn mạch của văn học dân gian
- Tiếp thu một cách chọn lọc, sáng tạo tinh hoa của nhiều nền văn hoá, văn học trong khu vực đặc biệt là văn học cổ điển Trung Hoa.
- Nội dung chủ yếu: yêu nước và nhân văn, nhân đạo
- Đặc trưng:
 - + Tính nguyên hợp (văn, sử, triết bất phân)
 - + Tính sùng cổ
 - + Tính song ngữ
 - + Tính quy phạm -> đặc trưng tiêu biểu nhất

b. Tác giả văn học trung đại

- Là các thế hệ trí thức giàu ý thức tự tôn dân tộc
- Hấp thụ tinh hoa văn hoá dân gian và tiếp nhận ảnh hưởng tư tưởng Nho, Phật, Đạo
- Loại hình tác giả phổ biến là thiền sư, nhà nho, đạo sĩ

c. Văn nghị luận thời trung đại

- Thể loại phong phú: hịch, cáo, chiếu, biểu, thư, trát, luận thuyết, tự, bạt...
- Đặc điểm của văn nghị luận thời trung đại
 - + Bố cục mang tính quy phạm
 - + Lời văn chứa nhiều điển tích, điển cố
 - + Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, giọng điệu hùng hồn
 - + Giàu yếu tố biểu cảm thể hiện rõ quan điểm, chủ kiến của người viết

d. Tác gia Nguyễn Trãi

- Tiểu sử
- Sự nghiệp sáng tác
- Đọc hiểu các tác phẩm chữ Hán và chữ Nôm theo đặc trưng thể loại

2. Quyền năng của người kể chuyện

a. Người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất là người kể xưng “tôi” hoặc dùng một hình thức tự xưng tương đương.
- Người kể chuyện ngôi thứ ba là người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác

phẩm, không tham gia vào các sự việc, chỉ được nhận biết qua lời kể.

- Lời người kể chuyện là lời kể, tả, bình luận của người kể chuyện, có chức năng khắc hoạ bối cảnh, thời gian, không gian, miêu tả sự việc, nhân vật, thể hiện cách nhìn nhận, thái độ đánh giá đối với sự việc, nhân vật.

- Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải và mức độ định hướng đọc trong việc cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc hoạ trong tác phẩm văn học.

b. Cảm hứng chủ đạo

- Là tình cảm, thái độ được thể hiện xuyên suốt tác phẩm đối với những vấn đề cuộc sống được nêu ra.

c. Biện pháp chêm xen và biện pháp liệt kê

- Chêm xen trước hết là một thao tác trong tạo câu; còn có tính chất của một biện pháp tu từ.

- Liệt kê là trình bày một chuỗi các yếu tố cùng loại nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, chi tiết về một đối tượng được nói đến trong câu hoặc trong đoạn.

II. Đọc hiểu văn bản

a. Đọc hiểu văn bản truyện

+ Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích.

+ Xác định được cốt truyện, các sự việc chi tiết tiêu biểu, nhân vật, tình huống truyện trong văn bản/đoạn trích.

+ Xác định được không gian, thời gian trong văn bản/đoạn trích.

+ Chỉ ra thông tin trong văn bản/ đoạn trích.

+ Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: đề tài, chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu...

+ Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/ đoạn trích: nghệ thuật trần thuật, xây dựng nhân vật, chi tiết hoang đường kì ảo...

+ Hiểu được một số đặc trưng của tự sự dân gian, truyện trung đại, truyện hiện đại thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

+ Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản/đoạn trích.

+ Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản/đoạn trích.

b. Đọc hiểu văn bản thơ trữ tình

+ Xác định được phương thức biểu đạt, thể thơ, các biện pháp tu từ trong văn bản/đoạn trích thơ Đường luật trung đại Việt Nam.

+ Xác định được đề tài; chi tiết, hình ảnh nghệ thuật đặc sắc, hình tượng nhân vật trữ tình của bài thơ/đoạn thơ.

+ Nhận diện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... trong bài thơ/đoạn thơ.

+ Chỉ ra được thông tin trong bài thơ/đoạn thơ.

+ Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: bức tranh thiên nhiên, đời sống; tâm sự của tác giả,...

+ Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: hình ảnh, ngôn ngữ, biện pháp tu từ,...

+ Hiểu được một số đặc trưng của thơ Đường luật trung đại Việt Nam; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ.

+ Nhận xét ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức của bài thơ/đoạn thơ.

+ Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung bài thơ/đoạn thơ.

III. Viết bài văn nghị luận

1. Nghị luận về một vấn đề xã hội

a. Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí

+ Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận.

- + Xác định được yêu cầu trình bày bài văn.
- + Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí.
- + Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí.
- + Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân bàn luận về tư tưởng đạo lí.
- + Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.

b. Nghị luận về một hiện tượng đời sống

- + Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận.
- + Xác định được yêu cầu trình bày bài văn.
- + Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/ các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống.
- + Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống.
- + Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống.
- + Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.

2. Nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học (chủ đề và nhân vật trong tác phẩm truyện)

- + Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề của một tác phẩm truyện và mối quan hệ giữa chủ đề với các nhân vật được xây dựng trong tác phẩm (Chủ đề đã chi phối sự lựa chọn, miêu tả nhân vật như thế nào, nhân vật đã phát triển và khơi sâu về chủ đề ra sao... với những ngữ liệu sinh động).
- + Cách tạo lập một văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện hấp dẫn, sâu sắc, sinh động và thú vị.

B. PHẦN THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

ĐỀ SỐ 1

I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

MÙI RƠM RẠ QUÊ MÌNH...

Ngọc Bích

(1) Tôi sinh ra từ một vùng sâu vùng xa ở bung biển Đồng Tháp, lớn lên giữa hương đồng cỏ nội. Nơi tôi sống ruộng lúa không hẳn là thẳng cánh cò bay mà đủ ngan ngát mùi rơm rạ sau mỗi mùa gặt.

(2) Đối với những người sinh ra và lớn lên ở thôn quê thì dường như cánh đồng đã trở thành một phần ký ức chẳng thể nào quên, bởi nó gắn liền với tuổi thơ – phần thời gian trong trẻo nhất của một đời người.

(3) Trong ký ức của tôi, bức tranh đồng quê sống động một cách kỳ lạ. Đó là những sân phơi trải đầy lúa vàng, tụi con nít vẫn hay đi tới đi lui trên những thảm lúa ngoài sân để lúa mau khô, những bước chân nhỏ xinh in ngang dọc trên đệm lúa vàng. Chúng bước nhanh thật nhanh để tránh cái nắng trên đầu và cái nóng hừng hực dưới chân. Ngày mùa trong tôi còn là những ụ rơm, nhánh rạ tro ra sau vụ gặt. Đâu đâu cũng thấy rơm rạ ngút ngàn, vàng những lối đi.

(4) Tôi thương cái mùi rơm rạ quê mình. Nó cứ thoang thoảng rồi loang dần, quán chặt vào sống mũi. Mùi rơm rạ là mùi của đồng ruộng, mùi của mồ hôi ba ngày vác cuốc ra đồng, mùi của niềm vui mùa lúa trổ, mùi nỗi buồn nơi khoé mắt mẹ sau mỗi vụ thất thu.

(5) Nồi cơm mới thơm lừng, không những thơm bởi hạt gạo mà còn vì được đun bằng bếp rơm, lửa cháy bùng, cơm sôi ừng ực. Đó là cái mùi cứ phảng phất theo tôi, để rồi những tháng năm sau đó tôi đi khắp mọi miền, đi qua những đồng lúa xanh tím mắt bất chợt nhớ đến mùi thơm ấy, mùi hương của rơm rạ và mùi của chén gạo thơm hương lúa mới. Cái mùi ấy ngan ngát¹ trong lòng ngực không dễ quên của biết bao con người lớn lên từ ruộng đồng như tôi.

(6) [...] Tôi lớn lên giữa mùi rơm rạ quê hương, mấy đứa bạn tôi giờ mỗi đứa một nơi. Có đứa qua xứ Tây Đô lập nghiệp, có đứa đi làm dâu tận vùng miệt thứ Cà Mau. Còn tôi... sống và làm việc ở phố thị xa hoa, đêm đêm nhớ nhà, nhớ mùi rơm rạ mà bật khóc. Chao ôi, cái mùi rạ nồng nồng khó tả.

(7) Mỗi lần về nhà đúng mùa gặt lúa, tôi hít lấy một hơi thật sâu như muốn nuốt hết cái không khí ấy, nhớ về mình còn là đứa trẻ của những tháng năm xưa. Những tháng năm đầu trần ngồi máy kéo ra đồng nghịch rơm, những tháng năm còn được nằm trọn trong vòng tay của ba mẹ.

(8) Có sợi rơm nào bay theo gió vương qua cành lá non, phảng phất hương vị của mùa mới, mùa của yêu thương, ước vọng và hy vọng. Tôi mang theo những khát khao, những ước mơ của mình gửi vào hương vị đó để thấy ấm áp, góp nhặt yêu thương cho riêng mình.

(9) Những ký ức tuổi thơ gắn liền với mùi rơm rạ quê hương bỗng chốc ùa về làm cho con đường đến sân bay trở nên ngắn ngủi. Tôi và anh tài xế công nghệ kia tạm gác lại những ký ức miền Tây thân thương của mình để hoà vào nhịp sống hối hả. Tôi tin là nó chỉ tạm lắng lại trong tâm thức mỗi người rồi đến khi gặp người “rà đúng tần số” hoặc đôi khi chỉ cần nhắc về hai tiếng miền Tây thì những ký ức thân thương ấy lại ào ạt ùa về. Đã là tuổi thơ, là quê hương thì làm sao mà quên cho được.

(Nhiều tác giả, *Nghĩa tình miền Tây*, NXB Hồng Đức, 2022, tr. 41-44)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong văn bản. Phân tích tác dụng của việc kết hợp hai yếu tố đó trong các đoạn (3), (4), (5) của văn bản. (0,5 điểm)

Câu 2. Xác định cách giải thích nghĩa của từ “*ngan ngát*” trong văn bản. (0,5 điểm)

Câu 3. Phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ được dùng trong đoạn (4). (1,0 điểm)

Câu 4. Xác định chủ đề của văn bản. Em nhận xét như thế nào về chủ đề ấy? (1,0 điểm)

Câu 5. Em có đồng ý với quan điểm của tác giả rằng: những ký ức “chỉ tạm lắng lại trong tâm thức mỗi người” bởi “đã là tuổi thơ, là quê hương thì làm sao mà quên cho được”? Vì sao? (1,0 điểm)

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. Trong văn bản, tác giả đã gửi vào ký ức tuổi thơ “những khát khao, những ước mơ” để “thấy ấm áp, góp nhặt yêu thương cho riêng mình”. Còn với em, ký ức tuổi thơ có ý nghĩa gì trong cuộc sống con người? Hãy viết câu trả lời thành đoạn văn khoảng 150 chữ (2 điểm)

¹ *Ngan ngát*: (mùi thơm) dễ chịu và lan toả ra xa.

Câu 2: Tình huống: Em tham gia vào chiến dịch Hoa phượng đỏ trong đội hình “Truyền thông 4.0”. Trong buổi ra mắt của đội, mỗi thành viên phải trình bày quan điểm của mình về “*Trách nhiệm của giới trẻ trong thời đại 4.0*”.

Nhiệm vụ: Hãy viết một bài văn nghị luận khoảng 400 chữ về *một trách nhiệm* mà em cho là quan trọng nhất đối với người trẻ trong thời đại 4.0. (4 điểm)

HƯỚNG DẪN CHẤM

	I. PHẦN ĐỌC HIỂU	4,0
Câu	Nội dung	Điểm
1	- Học sinh chỉ ra được ít nhất 01 yếu tố tự sự và 01 yếu tố trữ tình. Chẳng hạn: + Yếu tố tự sự: “<i>Đó là những sân phơi trái đầy lúa vàng, túi con nít vẫn hay đi tới đi lui trên những thảm lúa ngoài sân để lúa mau khô, những bước chân nhỏ xinh in ngang dọc trên đệm lúa vàng. Chúng bước nhanh thật nhanh để tránh cái nắng trên đầu và cái nóng hừng hực dưới chân.</i>” + Yếu tố trữ tình: “<i>Tôi thương cái mùi thơm quê mình. Nó cứ thoang thoang rồi loang dần, quấn chặt vào sống mũi.</i>” - Tác dụng của việc kết hợp hai yếu tố đó: + Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho diễn đạt; + Vừa giúp tái hiện những kí ức tuổi thơ gắn với cánh đồng quê, vừa bộc lộ trực tiếp tâm tư, tình cảm của tác giả. Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt khác, miễn hợp lí, thuyết phục.	0.25 0.25
2	- Học sinh chỉ ra nghĩa của từ “ngan ngát” được giải thích trong tác phẩm: Ngan ngát: (mùi thơm) dễ chịu và lan toả ra xa. - Học sinh xác định cách giải thích nghĩa của từ: phân tích nội dung nghĩa của từ.	0.5
3	- Học sinh chỉ ra biện pháp tu từ: biện pháp liệt kê (<i>đồng ruộng, mồ hôi ba, niềm vui mùa lúa trúng, nỗi buồn nơi khoé mắt mẹ</i>), điệp từ “mùi”. - Tác dụng: Tùy theo từng biện pháp tu từ, học sinh trình bày tác dụng khác nhau, song cần đáp ứng được các ý sau: + Giúp tăng sức gợi hình, gợi cảm cho văn bản; tạo nên giọng điệu tha thiết, nhớ thương. + Nhấn mạnh ý mà tác giả muốn biểu đạt: những kỉ niệm thân thương gắn với mùi thơm, mùi hương thơm bao hàm tất cả những mùi hương khác của quê hương, gia đình; nhấn mạnh sự khắc sâu, không phai mờ của mùi thơm trong tâm trí tác giả. + về phong cách tác giả: tác giả sử dụng từ ngữ rất tinh tế, uyển chuyển, linh hoạt góp phần tạo nên phong cách độc đáo	0.25 0.75
4	- Chủ đề của văn bản: Từ việc tái hiện những kỉ ức thân thương với cánh đồng, mùi thơm quê hương; tác giả bộc lộ tình yêu thương, nỗi nhớ mong kỉ niệm xưa, đồng thời gián tiếp bộc lộ tình yêu quê hương, đất nước.	0.5

	- Học sinh nhận xét về chủ đề. Chẳng hạn: Việc chọn lựa một mùi hương thân thuộc mà bình dị của đồng quê như mùa rom rạ làm trung tâm của bài viết thay vì những gì cao cả, lớn lao là một cách độc đáo để thể hiện tình yêu quê hương. Qua những sự vật gần gũi, nhỏ bé, ta càng thấy được người viết gắn bó với quê hương sâu sắc, yêu quê hương từ những gì bình dị nhất.	0.5
5	- Học sinh trả lời đồng ý hay không. - Học sinh lí giải lựa chọn của bản thân. Có thể lí giải theo nhiều cách, miễn <i>hợp lí, thuyết phục</i> .	0.25 0.75

II. PHẦN VIẾT

Nội dung		Điểm
Câu 1	Đảm bảo yêu cầu đoạn văn và diễn đạt Có thể nêu các ý sau - Kí ức tuổi thơ của tác giả trong đoạn văn là kí ức về mùi rom rạ quê hương, về vẻ đẹp của quê hương ngày mùa, là nỗi nhớ niềm thương về gia đình, về cha mẹ... - Với mỗi người, kí ức tuổi thơ bao giờ cũng đau đáu, da diết, vừa là nơi để nhớ thương vừa là động lực để trưởng thành và phấn đấu... - Liên hệ bản thân	0,5 1,5
Câu 2	Xác định vấn đề nghị luận và đảm bảo yêu cầu về dung lượng bài văn và diễn đạt hiệu quả	0,5
Mở bài	Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận: <i>một trách nhiệm mà học sinh cho là quan trọng nhất đối với người trẻ trong thời đại 4.0.</i> Nêu khái quát được quan điểm của người viết về vấn đề cần bàn luận.	0,5
Thân bài	Giải thích được vấn đề cần bàn luận: <i>Học sinh giải thích trách nhiệm mình chọn lựa là gì; nêu một số biểu hiện của trách nhiệm ấy trong thời đại 4.0.</i>	0.25
	Trình bày được hệ thống luận điểm thể hiện quan điểm của người viết. + <i>Học sinh trình bày ít nhất 02 luận điểm; các luận điểm tạo thành một hệ thống, triển khai các phương diện của vấn đề.</i> + <i>Hệ thống luận điểm giúp thể hiện được quan điểm của người viết đã nêu ở mở bài.</i>	1,0
	Nêu được lí lẽ thuyết phục, đa dạng để làm sáng tỏ luận điểm: <i>Các lí lẽ học sinh nêu ra phải thuyết phục, đa dạng. Có thể đáp ứng một số tiêu chí sau: (1) Soi chiếu vấn đề trên nhiều khía cạnh; (2) có những cơ sở vững chắc (từ lí thuyết và thực tiễn); (3) lập luận chặt chẽ. *</i>	0.25
	Nêu được bằng chứng đầy đủ, phù hợp, xác đáng để làm sáng tỏ lí lẽ: + <i>Học sinh có nêu được bằng chứng phù hợp với lí lẽ;</i> + <i>Học sinh có phân tích bằng chứng để làm sáng tỏ lí lẽ;</i>	0.25 0.25

	Trao đổi với các ý kiến trái chiều một cách hợp lí: + Học sinh nêu ra được ít nhất 01 ý kiến trái chiều. + Học sinh trao đổi với ý kiến trái chiều một cách hợp lí.	0.25 0.25
Kết bài	Khẳng định lại quan điểm của bản thân.	0.25
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Đề xuất giải pháp, bài học phù hợp. Có mở bài, kết bài gây ấn tượng. Diễn đạt rõ ràng, rành mạch, không mắc lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp: + Diễn đạt rõ ràng, rành mạch; + Không mắc lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp.	0.25
TỔNG		10,0

ĐỀ SỐ 2

I. ĐỌC HIỂU (4 điểm)

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu.

THƯ TRẢ LỜI BỌN TỔNG BINH VƯƠNG THÔNG THÁI GIÁM SƠN THỌ⁽¹⁾

(Tháng 12⁽²⁾, quân ta phá thành Đông-quan⁽³⁾. Thông cùng Thọ sai Nguyễn Nhậm đem thư sang ta xin hòa. Vì thế có thư trả lời).

Tôi nghe, trời đất đối với muôn vật, nổi sấm sét mà ý hiếu sinh vẫn có ở trong; cha mẹ đối với các con, đánh roi vọt mà ơn đức dục vẫn có ở đây. Nay vâng được thư của ngài cho tôi được tự tâm, hân hạnh khôn xiết, thật không khác đức lớn của trời đất cha mẹ, dầu có tan xương, nát thịt, cũng không đủ báo đền. Song nếu ngài thực có lòng thương xót dân chúng, thì nên sai đầu mục đến các thành Diễn-châu, Nghệ-an, Tân-bình⁽⁴⁾, ra lệnh cho họ đem quân về. Tôi sẽ lập tức sắm đủ phương vật tiến công, cúi xin ngài sai quan cùng đi với tử đệ thân tín của tôi để đến đầu hàng phục tội. Cầu cống đường sá thì tôi xin nhận sửa đắp, không phải phiền đến quan quân. Giá được người nhận lời, không những sinh linh nước tôi được khỏi làm than, mà binh sĩ Trung-quốc cũng khỏi nổi khổ gươm giáo vậy.

(Trích “Quân trung từ mệnh tập” rút từ “Nguyễn Trãi toàn tập”, nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976)

Chú thích:

⁽¹⁾ Sau hơn một năm tiếp tục cuộc đấu tranh vũ trang, đến cuối năm 1425, nghĩa quân Lam-son đã giải phóng được đất từ Thanh-hóa trở vào, trừ một số thành lũy đang bị bao vây. Tháng 9 năm 1426, nghĩa quân bắt đầu mở cuộc tiến công ra miền Bắc, đưa cuộc khởi nghĩa phát triển lên thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc quy mô cả nước. Nhà Minh phải phái Thành-son hầu Vương Thông làm tổng binh đem 5 vạn quân sang cứu viện, Phương Chính, Lý An cũng vội giao thành Nghệ-an lại cho Thái Phúc cố thủ rồi đem đại bộ phận quân lính về giữ Đông-quan. Cuối tháng 10 năm 1426, quân Minh tập trung về Đông-quan đến trên 10 vạn quân. Đầu tháng 11, Vương Thông mở một cuộc phản công lớn nhưng bị thất bại, bằng chiến thắng Tốt-động - Chúc-động, nghĩa quân đã đập tan cuộc phản công của địch, tiêu diệt trên 6 vạn quân và thừa thắng, vây hãm thành Đông-quan. Trong tình thế nguy ngập đó, tổng binh Vương Thông và thái

giám Sơn Thọ phải viết thư xin giảng hòa. Đây là thư trả lời của Lê Lợi.

⁽²⁾ Đây là tháng 12 năm Bính-ngọ (1426). Ngày 23 tháng 10 năm đó (ngày 22-11-1426), quân ta bắt đầu tiến công vây hãm thành Đông-quan, tiêu diệt các doanh trại ngoại vi của địch. Tháng 12 năm đó, quân ta càng xiết chặt vòng vây và tiến công dồn dập thành Đông-quan.

⁽³⁾ Thành Đông-quan tức là thành Thăng-long (Hà-nội). Thành này đời Hồ gọi là Đông-đô và nhà Minh, sau khi chiếm nước ta, đổi tên là thành Đông-quan, cũng có khi gọi là thành Giao-châu.

⁽⁴⁾ Thành Diễn-châu, Nghệ-an, Tân-bình lúc bấy giờ còn do quân Minh chiếm đóng và đang bị bao vây. thành Diễn-châu (Diễn-châu, Nghệ-an) là trị sở của Diễn-châu tương đương với vùng bắc Nghệ an ngày nay (gồm các huyện Diễn-châu, Yên-thành, Quỳnh-lưu, Quỳnh-châu, Nghĩa-dàn). Thành Nghệ-an (Hưng-nguyên, Nghệ-an) là trị sở phủ Nghệ-an tương đương miền Nam Nghệ-an và Hà-tĩnh ngày nay. Thành Tân-bình (Quảng-bình) là trị sở vùng Tân-bình tương đương với vùng Quảng bình và Bắc Quảng-trị ngày nay. Trong bức thư viết không thấy nhắc đến thành Thuận-hóa và Thanh-hóa lúc bấy giờ cũng đang bị bao vây. Ở đây có dụng ý gì của Nguyễn Trãi hay do sao chép thất lạc?

Câu 1. Xác định mục đích của Nguyễn Trãi khi viết thư trả lời bọn Tổng binh Vương Thông Thái giám Sơn Thọ.

Câu 2. Chỉ ra những từ ngữ thể hiện thái độ khiêm tốn của người biên thư.

Câu 3. Anh (chị) hiểu như thế nào về câu văn: *Tôi nghe, trời đất đối với muôn vật, nổi sấm sét mà ý hiếu sinh vẫn có ở trong; cha mẹ đối với các con, đánh roi vọt mà ơn đức dục vẫn có ở đây?*

Câu 4. *Tôi sẽ lập tức sắm đủ phương vật tiến công... (...) Cầu cống đường sá thì tôi xin nhận sửa đắp, (...). Giá được người nhận lời, không những sinh linh nước tôi được khỏi làm than, mà binh sĩ Trung Quốc cũng khỏi nổi khổ gươm giáo vậy.*

Đoạn văn trên khiến anh/chị liên tưởng tới đoạn văn nào trong “Bình Ngô Đại cáo”? Anh/chị nhận xét gì về nghĩa quân Lam Sơn?

Câu 5. Nhận xét về cách xưng hô và giọng điệu thể hiện trong lá thư.

II. VIẾT (6 điểm)

Câu 1: Thông điệp sâu sắc mà Nguyễn Trãi đưa ra trong đoạn trích là gì? Hãy viết một đoạn văn khoảng 150 chữ bàn về thông điệp đó?

Câu 2: Hãy viết bài nghị luận khoảng 400 chữ bàn về lòng khoan dung trong cuộc sống con người

ĐỀ SỐ 3

I. ĐỌC HIỂU (4 điểm)

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu.

NGÔN CHÍ BÀI 20 (DẤU NGƯỜI ĐI)

Dấu người đi là đá mòn,
Đường hoa vương vất trúc luôn.
Cửa song dãi xam hơi nắng,
Tiếng vượn kêu vang cách non.
Cây rợp tán che am mát,
Hồ thanh nguyệt hiện bóng tròn.
Rùa nằm hạc lẫn nên bầu bạn,

Ủ ấp cùng ta làm cái con

(Nguyễn Trãi toàn tập, Quốc âm thi tập, Phần vô đề, Đào Duy Anh, NXB Khoa học xã hội, 1976)

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản?

Câu 2. Những hình ảnh thiên nhiên nào hiện lên qua con mắt nhân vật trữ tình?

Câu 3. Tìm những từ ngữ trong bài thơ thể hiện tình cảm gắn bó của nhân vật trữ tình với thiên nhiên?

Câu 4. Nguyễn Trãi đã tạo nên sự phá cách trong thể thơ

Câu 5. Nhận xét bức tranh thiên nhiên được mô tả trong bài thơ.

II. VIẾT (6 điểm)

Câu 1. Nhân vật trữ tình chọn lối sống như thế nào? Lối sống đó có còn phù hợp với cuộc sống con người hiện đại hôm nay không? Hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ bàn về lối sống đó?

Câu 2: Điện thoại di động là một trong những phương tiện thông tin liên lạc hữu ích với con người hiện nay. Thế nhưng, một bộ phận học sinh lại sử dụng nó chưa đúng cách, với mục đích chưa tốt. Trình bày suy nghĩ của anh (chị) về hiện tượng trên trong một bài văn khoảng 400 chữ.

ĐỀ SỐ 4

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm):

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa nhón mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bé trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, cái nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chường ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì giải ổ rom đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chường ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hy mà con chị nó bé, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt

chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rơm, để mong lấy cái ấm của mình ấp ủ cho nó.

(Nhà mẹ Lê, Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, 2015, trang 28-29)

Câu 1. Đoạn trích được kể bằng lời của người kể chuyện ở ngôi thứ mấy? Ngôi kể ấy có nhất quán từ đầu đến cuối câu chuyện không?

Câu 2. Xác định giọng điệu của tác giả trong đoạn trích?

Câu 3. Ngoại hình bác Lê được tác giả miêu tả qua những chi tiết, hình ảnh nào?

Câu 4. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu *Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết.*

Câu 5. Từ nội dung đoạn trích, anh/chị hãy giải thích ý nghĩa nhan đề *Nhà mẹ Lê*.

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Câu 1: Anh/chị hãy viết một đoạn văn khoảng 150 chữ nêu cảm nhận của mình về nhân vật bác Lê trong đoạn trích phần đọc hiểu.

Câu 2: Trong thời gian gần đây một số hoa hậu, á hậu khi đăng quang đã có những phát ngôn ngây ngô, thiếu hiểu biết. Hãy viết một bài văn nghị luận khoảng 400 chữ trình bày quan điểm của em về vấn đề này ?

ĐỀ SỐ 5

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm).

Đọc văn bản:

Hồi còn nhỏ, nhỏ xiu, tôi chưa có bạn gái. Suốt ngày chỉ chơi với...mẹ tôi và bà nội tôi. Mẹ tôi rất thương tôi nhưng vì mẹ sợ ba nên ít khi mẹ che chở được tôi trước những trận đòn của ba tôi. Bà tôi thì lại khác. Bà sinh ra ba nên ba phải sợ bà. Điều đó thật may mắn đối với tôi.

Hồi nhỏ tôi rất nghịch, ăn đòn khá thường xuyên. Điều đó buộc đầu óc non nớt của tôi phải tìm cách đối phó với những trận đòn trừng phạt của ba tôi. Mỗi lần phạm lỗi, hễ thấy ba tôi dợm rút cây roi mây ra khỏi vách là tôi vội vàng chạy sang nhà bà tôi. Bà tôi thường nằm trên cái sập gỗ lim đen bóng, bên dưới là những ngăn kéo đựng thuốc bắc của ông tôi. Bà nằm đó, miệng bồm bồm nhai trầu, tay phe phẩy chiếc quạt mo cau với một dáng điệu thong thả.

- Bà ơi, bà!- tôi chạy đến bên chiếc sập, hỏn hển kêu.

Bà tôi chỏi tay nhòm dậy:

- Gì đó cháu?

- Ba đánh! – Tôi nói, miệng méo xệch.

- Cháu đừng lo! Lên đây nằm với bà!

Bà tôi dịu dàng trấn an tôi và đưa tay kéo tôi lên sập, đặt tôi nằm khuất sau lưng bà, phía sát tường. xong, bà tôi xoay người lại, nằm quay mặt ra ngoài.

Lát sau, ba tôi bước qua, tay vung vẩy con roi dài, miệng hỏi:

- Mẹ có thấy thằng Ngạn chạy qua đây không?
- Không thấy.

Bà tôi thản nhiên đáp và tiếp tục nhai trầu. Tôi nằm sau lưng bà, tim thót lại vì lo âu. Tôi chỉ cảm thấy nhẹ nhõm khi nghe tiếng bước chân bà tôi xa dần. {...}.

Bà tôi không bao giờ từ chối yêu cầu của tôi. Bà vừa gãi lưng cho tôi vừa thủ thỉ kể chuyện cho tôi nghe. Những câu chuyện đời xưa của bà tôi nghe đã thuộc lòng.... Tuy vậy, mỗi khi bà kể chuyện, tôi luôn luôn nằm nghe với cảm giác hứng thú hết như lần đầu tiên, có lẽ do giọng kể dịu dàng và âu yếm của bà, bao giờ nó cũng toát ra một tình cảm trìu mến đặc biệt dành cho tôi khiến trái tim tôi run lên trong một nỗi xúc động hân hoan khó tả. Và tôi ngủ thiếp đi lúc nào không hay, với trái tim không ngừng thổn thức.

(Nguyễn Nhật Ánh. *Mắt biếc*, Nxb Trẻ, 2021)

Câu 1: Nội dung chính của đoạn trích là gì?

Câu 2: Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 3: Dấu (...) trong câu văn “ *Hồi nhỏ, nhỏ xíu, tôi không có bạn gái. Suốt ngày tôi chỉ chơi với...mẹ tôi và bà nội tôi*” thể hiện điều gì?

Câu 4: Cậu bé Ngạn đã cảm nhận được gì từ những câu chuyện của bà?

Câu 5: Anh/ chị có ấn tượng như thế nào về nhân vật người bà trong câu chuyện?

II. VIẾT (6 điểm)

Câu 1: Anh chị hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ nêu cảm nhận về nhân vật *Tôi* trong đoạn trích?

Câu 2: Viết bài văn nghị luận khoảng 400 chữ trình bày suy nghĩ của anh/chị về **việc cần thiết phải tôn trọng sự khác biệt**.